

Số: /KH-BCĐ

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH
Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp
có mức sống trung bình cuối năm 2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ, quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ, quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 24/VBHN-BNNMT ngày 30/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về Thông tư hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo;

Căn cứ Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Trưởng Ban Chỉ đạo về ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, năm 2025.

Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình cuối năm 2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình cuối năm 2025 theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 trên phạm vi toàn tỉnh nhằm thu thập thông tin để xác định và lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, các thông tin về hộ nghèo, hộ cận

nghèo cuối năm 2025, xác định được hộ có mức sống trung bình, để làm căn cứ đánh giá kết quả thực hiện công tác giảm nghèo năm 2025, thực hiện các chính sách an sinh xã hội năm 2026 đối với các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh. Đồng thời đề xuất các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh cho vùng còn khó khăn, có tỷ lệ hộ nghèo cao giai đoạn 2026-2030.

2. Yêu cầu

- Việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình cuối năm 2025 phải được thực hiện từ thôn, tổ dân phố và trực tiếp đối với tất cả các hộ gia đình có trong danh sách rà soát, đảm bảo công khai, minh bạch, có sự tham gia của các cấp ủy đảng, chính quyền, tổ chức đoàn thể và nhân dân trên địa bàn, theo đúng quy trình, đảm bảo xác định đúng đối tượng, không bị bỏ sót, phản ánh đúng thực trạng đời sống nhân dân trên địa bàn quản lý.

- Kết thúc việc rà soát, từng thôn, tổ dân phố, xã, phường phải xác định được chính xác danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, số hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo, thông tin về hộ nghèo, hộ cận nghèo để phục vụ cho quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo; đồng thời xác định được hộ làm nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình để làm cơ sở thực hiện các chính sách trợ giúp phù hợp; xác định được tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của địa phương để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Đối với xã, phường cần xác định được chính xác, khách quan, trung thực kết quả giảm hộ nghèo đa chiều, tỷ lệ giảm nghèo đa chiều (*trong đó số hộ nghèo, hộ cận nghèo, tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo giảm so với đầu năm 2025*) của địa phương mình, đồng thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

II. NỘI DUNG RÀ SOÁT

Trên cơ sở mục đích và yêu cầu, việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình cuối năm 2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang gồm những nội dung chính:

1. Khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo bảo đảm phù hợp với chuẩn nghèo theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.

2. Xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình bằng phương pháp xác định thu nhập của hộ gia đình trong vòng 12 tháng trước thời điểm rà soát, không tính khoản trợ cấp bảo trợ xã hội từ ngân sách nhà nước vào thu nhập của hộ gia đình.

3. Kết quả phân loại hộ theo tiêu chí về thu nhập và mức độ tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

4. Thu thập thông tin của hộ gia đình qua rà soát được xác định thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình.

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI RÀ SOÁT

1. Đối tượng rà soát là toàn bộ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ không nghèo có giấy đề nghị rà soát xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình đang có hộ khẩu thường trú trên địa bàn các xã, phường.

2. Phạm vi rà soát: Trên địa bàn toàn tỉnh Tuyên Quang.

IV. THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG PHÁP RÀ SOÁT

1. Thời gian rà soát

- Tiến hành công tác chuẩn bị đến khi kết thúc cuộc rà soát bắt đầu theo mốc thời gian từ ngày **01/9/2025** đến hết ngày **14/12/2025**.

- Thời gian thu thập thông tin về đặc điểm của hộ gia đình được xác định tại thời điểm rà soát tại hộ gia đình. Các chỉ tiêu bình quân được tính thời điểm từ tháng **9** năm **2024** đến hết tháng **8** năm **2025** (12 tháng).

2. Phương pháp rà soát

Thực hiện rà soát thông qua các phương pháp đánh giá, chấm điểm tài sản, thu thập thông tin đặc điểm, điều kiện sống của hộ gia đình để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo. Đối với hộ gia đình có mức sống trung bình thực hiện điều tra thu nhập bình quân đầu người/tháng của hộ rà soát.

V. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH RÀ SOÁT

1. Công tác chuẩn bị rà soát (Bước 1)

1.1. Ở cấp tỉnh: Thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình các cấp, ngành Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan thường trực.

1.2. Ở cấp xã: Thành lập Ban chỉ đạo cấp xã; Thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cấp xã; nhiệm vụ của Tổ giúp việc là hướng dẫn rà soát viên trong quá trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình; giám sát, đôn đốc tiến độ rà soát; báo cáo kịp thời những vấn đề phát sinh trong quá trình rà soát cho Ban Chỉ đạo cùng cấp, tổng hợp kết quả rà soát và nghiệm thu phiếu rà soát của điểm được phân công phụ trách.

1.3. Tổ chức huy động lực lượng rà soát: Lực lượng rà soát viên bao gồm cán bộ, công chức cấp xã, trưởng thôn, tổ dân phố, cán bộ các đoàn thể,...

Để đảm bảo tiến độ và chất lượng công tác rà soát, Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã cần huy động cán bộ các phòng, ban, tổ chức đoàn thể của cấp xã tăng cường chỉ đạo, hỗ trợ theo địa bàn được phân công phụ trách. Tùy theo số lượng hộ rà soát của các xã, phường mà bố trí lực lượng rà soát viên cho phù hợp.

Lựa chọn rà soát viên theo các tiêu chuẩn sau:

- Có trình độ và tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình trong công tác.
- Có kinh nghiệm rà soát khảo sát.
- Am hiểu về đặc điểm hộ gia đình.
- Thông thuộc địa bàn rà soát.

Rà soát viên phải được tập huấn nghiệp vụ rà soát và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin thu thập tại hộ và tuân thủ Kế hoạch, quy trình hướng dẫn rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình của tỉnh.

1.4. Xây dựng Kế hoạch, kinh phí tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường phê duyệt.

1.5. Tuyên truyền

Ban Chỉ đạo các cấp cần tuyên truyền, giải thích cho cán bộ chủ chốt, người dân ở thôn, tổ dân phố nơi tiến hành rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình hiểu được:

- Chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều của Chính phủ áp dụng cho giai đoạn 2021-2025 gồm cả tiêu chí về thu nhập và mức độ thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản.

- Mục đích chính của cuộc rà soát là xác định được những hộ nghèo, cận nghèo hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo và hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư

ng nghiệp có mức sống trung bình theo chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình.

- Thông báo thời gian người dân tham gia cuộc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình.

- Nội dung chính của cuộc rà soát là xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo căn cứ vào thực tế nhân khẩu, việc làm, tài sản, tư liệu sản xuất, điều kiện sinh hoạt của hộ gia đình. Riêng hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình rà soát trực tiếp thu nhập của hộ.

- Sau khi rà soát, cấp xã phải lập được danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo và hộ có mức sống trung bình, có sự tham gia ý kiến của người dân trong thôn, tổ dân phố.

Phương thức tuyên truyền: Bản tin truyền hình, phát thanh; hội nghị cán bộ; họp thôn, tổ dân phố; cuộc họp của các tổ chức đoàn thể; hệ thống phát thanh xã/phường, thôn/tổ dân phố, bản tin niêm yết tại địa điểm công cộng xã/phường, thôn/tổ dân phố và trên Trang thông tin điện tử của cấp xã.

* **Lưu ý:** Đây là giải pháp nâng cao chỉ số công khai minh mạch danh sách hộ nghèo trong bộ **Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI)**; vì vậy, yêu cầu cấp ủy, chính quyền, các tổ chức đoàn thể và người dân cần quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung nêu trên cả trước, trong và sau khi hoàn thành cuộc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn quản lý.

2. Tập huấn (Bước 2)

Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng kế hoạch và bố trí giảng viên tập huấn cho Ban Chỉ đạo cấp xã về nghiệp vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp gia đình có mức sống trung bình năm 2025 trên địa bàn tỉnh.

Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tập huấn nghiệp vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2025 cho Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cấp xã, các phòng, ban, tổ chức đoàn thể của cấp xã và các rà soát viên được trung tập tham gia rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có mức sống trung bình (**Lưu ý:** Các rà soát viên thu thập thông tin ghi phiếu rà soát phải được tập huấn nghiệp vụ rà soát trực tiếp tại cấp xã).

* **Nội dung tập huấn:** Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản hợp nhất

số 24/VBHN-BNNMT ngày 30/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về Thông tư hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo;

- Hướng dẫn phương pháp lập danh sách hộ cần rà soát;
- Hướng dẫn cách ghi phiếu (B1; B2): Phiếu thu thập thông tin chung về hộ gia đình (*Phiếu B1*); phiếu thông tin về hộ gia đình về các nhu cầu xã hội cơ bản (*Phiếu B2*);
- Hướng dẫn bảng quy ước điểm Phiếu B1; Bảng chấm điểm phiếu B1; Bảng điểm chỉ tiêu dinh dưỡng.
- Xác định thu nhập của hộ gia đình có mức sống trung bình (*Phụ lục VIII*);
- Hướng dẫn cách thức tổ chức họp dân thông qua kết quả rà soát;
- Hướng dẫn cách thức tổng hợp số liệu vào các biểu mẫu tổng hợp.

3. Lập danh sách hộ gia đình tham gia rà soát (Bước 3)

- Ban Chỉ đạo cấp xã, rà soát viên phối hợp với cán bộ thôn/tổ dân phố để tổ chức xác định, lập danh sách các hộ gia đình cần rà soát xác định hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn, gồm:

+ Hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý tại thời điểm rà soát: Lập danh sách vào Phụ lục số I để tiến hành rà soát bằng phiếu B1.

+ Các hộ gia đình không nghèo (*không thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo đã được phê duyệt tại thời điểm rà soát*): Có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 01 - Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Đối với hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo: Dùng phiếu A (Phụ lục số II) để nhận dạng nhanh hộ gia đình không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, không cần rà soát Phiếu B1 (nếu cần). Trường hợp rà soát toàn bộ số hộ có giấy đề nghị rà soát thì không cần lập danh sách nhận dạng nhanh bằng phiếu A - Kết quả ghi vào Phụ lục số I (mục III).

Lưu ý: Cán bộ thôn chủ động phát hiện những hộ không nghèo năm 2025 bị ảnh hưởng bởi thiên tai (hạn hán, lũ lụt, bão, giông lốc...); có thành viên bị tai nạn lao động, tai nạn giao thông, bệnh tật nặng; rủi ro về kinh tế (chịu thiệt hại nặng về các tài sản chủ yếu như nhà ở, công cụ sản xuất, mất đất sản xuất, mất mùa, dịch bệnh...); rủi ro về xã hội (bị lừa đảo, là nạn nhân của tội phạm...)... hoặc có biến động về nhân khẩu trong hộ gia đình (có thêm con, lao động chính

trong hộ bị chết...), hộ mới tách hộ, mới chuyển đến nộp Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo để lập vào trong danh sách hộ cần rà soát.

Lập danh sách toàn bộ số hộ cần rà soát xác định hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn thôn, tổ dân phố theo phụ lục số I (*riêng các hộ không nghèo tại thời điểm rà soát yêu cầu có Giấy đề nghị rà soát kèm theo để lưu hồ sơ*).

- Đối với hộ gia đình rà soát có mức sống trung bình lập toàn bộ danh sách hộ không nghèo làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp vào Phụ lục IX (*trừ những hộ có giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo nêu trên*).

4. Thu thập thông tin hộ gia đình (Bước 4)

Ban Chỉ đạo cấp xã phân công rà soát viên phụ trách khảo sát theo địa bàn, dự kiến thời gian khảo sát và ấn định thời gian nghiệm thu phiếu đã khảo sát. Ban Chỉ đạo cấp xã phát phiếu rà soát cho các rà soát viên tổ chức rà soát. Các rà soát viên phải xem xét kỹ phiếu khảo sát để có cách hỏi, cách ghi chép vào phiếu cho đúng với thực trạng của hộ gia đình ở địa phương mình.

Lưu ý: Đối với vật liệu làm nhà ở theo Công văn số 3577/BXD-QLN ngày 10/8/2024 của Bộ Xây dựng: “vật liệu làm nhà ở sử dụng được coi là bền chắc như tường nhà làm bằng vật liệu trình tường đất nếu tuổi thọ trên 20 năm; mái lợp bằng tấm lợp fibro xi măng nếu đảm bảo tuổi thọ từ 20 năm trở lên và lắp đặt trên kết cấu giá đỡ chắc chắn (khung sắt, gỗ...) thì được coi là bền chắc. Trường hợp vật liệu làm nhà có tuổi thọ dưới 20 năm thì được coi là không bền chắc”.

4.1. Rà soát xác định hộ nghèo, cận nghèo

Rà soát viên khảo sát theo phiếu B1 - Thông tin chung về hộ gia đình (Phụ lục số III.1); phiếu B1 - Phiếu chấm điểm hộ gia đình (Phụ lục số III.2) áp dụng cho khu vực thành thị hoặc khu vực nông thôn; Phiếu B2 - Thông tin hộ gia đình về các nhu cầu xã hội cơ bản (Phụ lục số III.3) đối với những hộ trong danh sách hộ cần khảo sát đã lập ở bước 3 (Phụ lục số I).

*** Ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo như sau:**

- Về mức thu nhập bình quân đầu người (*gọi là điểm B1*): Ở khu vực nông thôn, 140 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 1.500.000 đồng/người/tháng; ở khu vực các phường, 175 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 2.000.000 đồng/người/tháng.

- Về mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (*gọi là điểm B2*): 10 điểm tương đương với 01 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

*** Phân loại hộ theo kết quả rà soát:**

- **Hộ nghèo:** Hộ có điểm $B1 \leq 140$ điểm và điểm $B2 \geq 30$ điểm (ở khu vực nông thôn) hoặc có điểm $B1 \leq 175$ điểm và điểm $B2 \geq 30$ điểm (ở khu vực các phường).

- **Hộ cận nghèo:** Hộ có điểm $B1 \leq 140$ điểm và điểm $B2 < 30$ điểm (ở khu vực nông thôn) hoặc có điểm $B1 \leq 175$ điểm và điểm $B2 < 30$ điểm (ở khu vực các phường).

Hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo là hộ có điểm $B1 > 140$ điểm (ở khu vực nông thôn) và $B1 > 175$ điểm (ở khu vực các phường);

Lưu ý một số trường hợp đặc biệt sau:

Trường hợp hộ có nhiều lao động đi làm ăn xa gửi tiền về cho gia đình (Người lao động đăng ký tạm trú tại nơi làm việc, có đóng góp cho hộ gia đình nhưng chi tiêu cho ăn, ở không từ nguồn chi tiêu chung của hộ gia đình nên không được xác định là thành viên hộ gia đình), tuy nhiên hộ không mua sắm tài sản, tư liệu sản xuất... rà soát viên vận dụng Phiếu khảo sát xác định hộ có mức sống trung bình (Phụ lục VIII) để tính thu nhập bình quân đầu người/hộ. Nếu qua khảo sát mức thu nhập bình quân đầu người trên 1.500.000 đồng/người/tháng ở khu vực nông thôn; trên 2.000.000 đồng/người/tháng ở khu vực các phường thì được xác định là hộ đã thoát nghèo, thoát cận nghèo (ghi thu nhập bình quân vào cột Ghi chú ở Phụ lục số I).

Trường hợp hộ gia đình có Nhà ở biệt thự; cấp 1, cấp 2; hộ sở hữu doanh nghiệp, xưởng sản xuất, cơ sở kinh doanh thương mại, dịch vụ thuê mướn từ 3 lao động trở lên; hộ kinh doanh có đăng ký và nộp thuế từ 100 triệu đồng trở lên; có một trong các loại tài sản sử dụng trong sản xuất kinh doanh (ô tô, máy xúc, máy xay sát, máy tuốt lúa, máy cấy, máy gặt, máy cày, máy công nông, lồng cá và tài sản khác) từ 200 triệu đồng trở lên hoặc chăn nuôi đàn gia súc, gia cầm, vật nuôi khác có giá trị từ 200 triệu đồng trở lên, được xác định là hộ đã thoát nghèo, thoát cận nghèo (ghi giá trị tài sản vào cột Ghi chú ở Phụ lục số I).

Rà soát viên thông báo kết quả sơ bộ phân loại hộ cho gia đình biết và đề nghị gia đình ký tên vào phiếu rà soát.

Kết quả rà soát, rà soát viên tổng hợp vào Phụ lục số I.

4.2. Xác định hộ gia đình có mức sống trung bình

Đối với những hộ được xác định là hộ không nghèo (bao gồm cả những hộ qua rà soát hộ nghèo, cận nghèo sau khi rà soát được xác định là hộ không nghèo ở mục 4.1) tiến hành rà soát toàn bộ để phân loại hộ gia đình có mức sống trung bình và trên trung bình; rà soát viên thu thập thông tin và ghi Phiếu khảo sát xác định hộ có mức sống trung bình (Phụ lục VIII). Rà soát viên thông báo

kết quả rà soát thu nhập bình quân đầu người/tháng của hộ gia đình qua 1 năm và phân loại hộ cho gia đình biết và ký tên vào phiếu rà soát.

*** *Chuẩn hộ có mức sống trung bình:***

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng.

- Khu vực các phường: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

Kết quả rà soát, rà soát viên tổng hợp vào Phụ lục số IX (*đối với các hộ có thành viên trong hộ làm việc trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp hoặc có thu nhập chủ yếu từ làm việc trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, căn cứ vào thu nhập được xác định là hộ làm nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình. Đây là cơ sở để làm căn cứ hỗ trợ mua thẻ Bảo hiểm y tế theo quy định*) và thực hiện một số chính sách hỗ trợ khác (nếu có); đồng thời là cơ sở để phân loại kinh tế hộ và đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp theo yêu cầu.

Lưu ý: Đối với các xã khu vực II (*trừ thôn đặc biệt khó khăn*) có những hộ chủ hộ là người dân tộc Kinh hoặc hộ có thành viên trong hộ là người dân tộc Kinh; các xã, phường khu vực I (*trừ thôn đặc biệt khó khăn*) theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc (nay là Bộ Dân tộc và Tôn giáo); các xã Khu vực II, khu vực III phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới cuối năm 2024 (*trừ người dân tộc thiểu số ở các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt danh sách thôn ĐBKK, các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020, mà các xã này không còn trong danh sách các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025*) cần tập trung tuyên truyền chính sách hỗ trợ thẻ Bảo hiểm y tế theo các quy định của Trung ương; đặc biệt là chính sách hỗ trợ thẻ BHYT đối với thành viên trong hộ làm nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình theo quy định. Triển khai rà soát, để có căn cứ lập danh sách hỗ trợ thẻ BHYT năm 2026 theo hướng dẫn của UBND tỉnh Tuyên Quang, hướng dẫn tổ chức thực hiện BHYT cho các đối tượng được ngân sách nhà nước đóng và hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế, hỗ trợ cùng chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế cho người tham gia bảo hiểm y tế đối với một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (*hoặc Hướng dẫn thay thế nếu có*).

5. Hợp dân thông qua kết quả rà soát (Bước 5)

Thành phần cuộc họp: Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã, công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo cấp xã, Trưởng thôn (chủ trì họp), Bí thư Chi bộ thôn, Chi hội trưởng các hội, Bí thư Đoàn Thanh niên thôn, rà soát viên và một số đại diện hộ gia đình qua rà soát, hộ gia đình khác; mời đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã giám sát.

Nội dung cuộc họp: Lấy ý kiến thống nhất của ít nhất 50% tổng số người tham dự cuộc họp về kết quả đánh giá, tính điểm đối với các hộ gia đình qua rà soát (*chủ yếu tập trung vào các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo*); Thu nhập bình quân đầu người/tháng của hộ được xác định là hộ có mức sống trung bình (*trong đó có hộ có mức sống trung bình làm nông, lâm, ngư nghiệp*) theo kết quả rà soát viên tổng hợp tại Phụ lục I và Phụ lục IX. Trường hợp ý kiến thống nhất dưới 50%, thực hiện rà soát lại theo quy định tại Kế hoạch này.

Lưu ý: Những trường hợp đặc biệt hộ nghèo, cận nghèo tại thời điểm rà soát có nhiều lao động đi làm ăn xa gửi tiền về cho gia đình qua rà soát bằng Phiếu khảo sát xác định hộ có mức sống trung bình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên mức thu nhập chuẩn nghèo hoặc những hộ có Nhà ở biệt thự; cấp 1, cấp 2; hộ sở hữu doanh nghiệp, xưởng sản xuất, cơ sở kinh doanh thương mại, dịch vụ thuê mướn từ 3 lao động trở lên; hộ kinh doanh có đăng ký và nộp thuế từ 100 triệu đồng trở lên; có một trong các loại tài sản sử dụng trong sản xuất kinh doanh (*ô tô, máy xúc, máy xay sát, máy tuốt lúa, máy cấy, máy gặt, máy cày, máy công nông, lồng cá và tài sản khác*) từ 200 triệu đồng trở lên hoặc chăn nuôi đàn gia súc, gia cầm, vật nuôi khác có giá trị từ 200 triệu đồng trở lên, cần được lấy ý kiến thống nhất về kết quả phân loại và được đưa vào ghi cụ thể trong biên bản họp là những hộ thoát nghèo, cận nghèo làm cơ sở giải trình khi cần thiết.

Kết quả cuộc họp được lập thành 02 bộ biên bản (theo Phụ lục số V), có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp và đại diện của các hộ dân (*01 bản lưu ở thôn, 01 bản gửi Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã*).

6. Niêm yết, thông báo công khai danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình (Bước 6)

- Niêm yết công khai kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo, hộ có mức sống trung bình tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã; thông báo qua Đài truyền thanh cấp xã (nếu có) trong thời gian 03 ngày làm việc.

- Trong thời gian niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có khiếu nại của người dân, Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổ chức phúc tra kết quả rà soát theo đúng quy trình rà soát trong thời gian không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại; niêm yết công khai kết quả phúc tra tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 03 ngày làm việc.

- Hết thời hạn niêm yết công khai và phúc tra (nếu có), Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo và danh sách hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình (sau khi rà soát).

Ngoài ra, cấp xã phải đăng niêm yết công khai các nội dung nêu trên trên các Trang thông tin điện tử của cấp xã, đảm bảo công khai minh bạch danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình trên địa bàn quản lý.

7. Tổng hợp, báo cáo, xin ý kiến thẩm định của Ủy ban nhân dân tỉnh (Bước 7)

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo bằng văn bản, gửi Ban Chỉ đạo cấp tỉnh (*qua Sở Nông nghiệp và Môi trường cơ quan Thường trực*) và các thành viên Ban Chỉ đạo cấp tỉnh được phân công phụ trách các xã, phường về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn sau khi hoàn tất quy trình niêm yết công khai (*và phúc tra nếu có khiếu nại của người dân*).

Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

8. Công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình trên địa bàn (Bước 8)

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp thu ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn theo Mẫu số 02 và cấp Giấy chứng nhận cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 03 (*đối với các hộ đã được cấp Giấy chứng nhận cho hộ nghèo, hộ cận nghèo từ những năm 2022, 2023 và 2024 xác nhận bổ sung năm 2025 vào giấy xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo đã được cấp*);

Lập sổ theo dõi hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn theo danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo đã được phê duyệt để phục vụ cho công tác quản lý đối tượng và thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo và an sinh xã hội của Nhà nước (*Phụ lục số VI.1 và Phụ lục số VI.2*).

9. Báo cáo kết quả rà soát (Bước 9)

Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình trên địa bàn (*từ Phụ lục số VII.1 đến Phụ lục số VII.14*).

Cập nhật phần mềm cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo vào phần mềm quản lý hộ nghèo chung của tỉnh (nếu có).

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CẤP, CÁC NGÀNH

1. Cấp xã

- Xây dựng kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình cuối năm 2025 phê duyệt để triển khai thực hiện. Thành lập Ban Chỉ đạo cấp xã, Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cấp xã; tham mưu lựa chọn lực lượng rà soát viên. Căn cứ quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính, quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc rà soát thống kê, tổng rà soát thống kê quốc gia. Xây dựng dự toán kinh phí phục vụ cho việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình trên địa bàn cuối năm 2025 từ nguồn ngân sách Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2025 và nguồn ngân sách địa phương (nếu có).

- Phổ biến tuyên truyền mục đích, yêu cầu của việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình đến các trường thôn, tổ dân phố, đại diện các chi hội đoàn thể ở thôn bản và người dân; Chỉ đạo các thôn bản phối hợp thực hiện rà soát.

- Chỉ đạo Trạm y tế phối hợp với các trường học trên địa bàn mở sổ theo dõi sức khỏe của trẻ em trên địa bàn quản lý (chiều cao, cân nặng...).

- Tổ chức in ấn và cấp phát tài liệu, mẫu biểu, phiếu rà soát.

- Tổ chức tập huấn nghiệp vụ rà soát.

- Tổ chức lực lượng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình; thành lập tổ giúp việc; bố trí cán bộ, rà soát viên dự tập huấn nghiệp vụ rà soát; trực tiếp tổ chức triển khai

thực hiện Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn quản lý.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan chỉ đạo việc tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình; phân công các thành viên hỗ trợ, chỉ đạo rà soát tại các xã, phường.

- Kiểm tra và tổ chức phúc tra kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình của cấp xã trong trường hợp thấy kết quả rà soát chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương hoặc có đơn thư khiếu nại.

- Tổng hợp, phân loại và lập danh sách chi tiết các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình *(trong đó có hộ có mức sống trung bình làm nghề nông lâm ngư nghiệp)* cuối năm 2025 trên địa bàn sau khi có kết quả rà soát chính thức. Trên cơ sở kết quả rà soát, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn; báo cáo kết quả rà soát để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp và có ý kiến thẩm định.

- Thông báo danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình cuối năm 2025 tại các cuộc họp thôn, các cuộc họp của các tổ chức đoàn thể và niêm yết tại nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, tổ dân phố.

- Lập sổ theo dõi hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn; cấp giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo làm cơ sở thực hiện các chính sách an sinh xã hội năm 2026 và xây dựng Kế hoạch giảm nghèo năm 2026; theo dõi, cập nhật bổ sung thông tin đặc điểm của hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn khi phát sinh những thay đổi.

- Lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo phục vụ kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư *(Phụ lục X)*

2. Các cơ quan Ban Chỉ đạo cấp tỉnh

2.1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Xây dựng tài liệu, thống nhất mẫu biểu rà soát trên địa bàn toàn tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch và bố trí giảng viên tập huấn cho Ban Chỉ đạo cấp xã về nghiệp vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp gia đình có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh năm 2025.

- Phối hợp với các cơ quan thành viên Ban Chỉ đạo cấp tỉnh chỉ đạo, đôn đốc và giám sát việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình ở cơ sở theo đúng quy trình và đúng thời hạn quy định.

- Kiểm tra và tổ chức phúc tra kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình của cấp xã trong trường hợp thấy kết quả rà soát chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương hoặc có đơn thư khiếu nại.

- Tổng hợp báo cáo kết quả rà soát; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn; báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, công nhận.

- Tổng hợp danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo toàn tỉnh phục vụ cho việc thực hiện chính sách trên địa bàn tỉnh.

2.2. Các cơ quan tham gia thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh

Các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh được phân công phụ trách các xã, phường: Chỉ đạo, đôn đốc, theo dõi, giám sát Kế hoạch rà soát tại các xã, phường; phối hợp với xã, phường được phân công phụ trách kiểm tra, phúc tra tại các xã, phường nếu có nghi vấn về kết quả sơ bộ rà soát hộ nghèo, cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình.

Các ngành thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh được phân công phụ trách các xã, phường sử dụng kinh phí giám sát Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững đã được UBND tỉnh phân bổ để đi kiểm tra giám sát tại xã, phường phụ trách; báo cáo kết quả công tác phụ trách về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

2.3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Tuyên Quang chỉ đạo các cấp hội cơ sở tham gia vào công tác rà soát hộ nghèo, thông báo danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của hội viên; lồng ghép thông tin cuộc rà soát hộ nghèo vào các cuộc họp của hội. Giám sát tính minh bạch, công khai trong quá trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình có mức sống trung bình.

2.4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh Tuyên Quang: Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về tầm quan trọng, ý nghĩa của cuộc rà soát hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025, phát huy tinh thần làm chủ, thực hiện tốt cuộc rà soát hộ

nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình cuối năm 2025.

Lưu ý: Tài liệu hướng dẫn và các mẫu biểu thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình cuối năm 2025 các đơn vị tải từ Trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang: <http://sonnmt.tuyenquang.gov.vn/>.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Về thời gian

- Từ ngày 30/8 đến ngày 15/9/2025 chuẩn bị công tác rà soát, in ấn và cấp phát mẫu biểu, tài liệu rà soát; huy động và lựa chọn lực lượng rà soát; truyền thông; tổ chức tập huấn rà soát;

- Ban Chỉ đạo cấp xã lập danh sách hộ gia đình tham gia rà soát, phân công địa bàn rà soát, phát phiếu cho rà soát viên: Hoàn thành trước ngày **20/9/2025**;

- Rà soát viên tiến hành ghi phiếu B1, B2 và Phiếu khảo sát xác định hộ có mức sống trung bình tại địa bàn. Hoàn thành trước ngày **20/10/2025**;

- Ban Chỉ đạo cấp xã tổng hợp kết quả rà soát, họp dân thống nhất kết quả rà soát; Niêm yết công khai danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình; Phúc tra kết quả rà soát (nếu có). Lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo (*theo Phụ lục VI.1 và VI.2*). Tổng hợp báo cáo kết quả rà soát, các biểu mẫu báo cáo (*theo Phụ lục số VII.1 đến VII.14*) xin ý kiến thẩm định của Ủy ban nhân dân tỉnh qua Sở Nông nghiệp và Môi trường: Hoàn thành trước ngày **30/10/2025**;

- Các thành viên Ban Chỉ đạo cấp tỉnh được phân công phụ trách các xã, phường chỉ đạo, đôn đốc các xã, phường ra Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn: Hoàn thành trước ngày **10/11/2025**;

- Chủ tịch UBND cấp xã Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình (*trong đó có hộ có mức sống trung bình làm nghề nông lâm ngư nghiệp*): Hoàn thành trước ngày **10/11/2025**;

- Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp kết quả rà soát báo cáo Trường Ban chỉ đạo, Chủ tịch UBND tỉnh trước ngày **15/11/2025**; đồng thời báo cáo kết quả rà soát sơ bộ về Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Cấp xã lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo phục vụ kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (*Phụ lục X*) trước ngày **14/12/2025** gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình của các cấp xã do ngân sách cấp xã đảm bảo trong dự toán ngân sách địa phương và kinh phí Tiểu dự án 2 Dự án 7 thuộc chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2025.

UBND cấp xã có trách nhiệm bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình cuối năm 2025 trên địa bàn (*in ấn mẫu biểu, tài liệu, phiếu rà soát; hỗ trợ thù lao cho rà soát viên ghi phiếu tại địa bàn; kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo cấp xã và Tổ giúp việc; kinh phí hỗ trợ thực hiện cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo các cấp*).

Các ngành thành viên Ban Chỉ đạo của tỉnh và UBND các xã, phường có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình cuối năm 2025 đảm bảo tiến độ và chất lượng./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thống kê tỉnh;
- Đảng ủy, UBND các xã, phường;
- CVP, PVP UBND tỉnh;
- Báo và PTTH Tuyên Quang (Thông tin);
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTN (Toán).

TRƯỞNG BAN

PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Hoàng Gia Long